

Số: /TTYT-TCHC

Yên Dũng, ngày tháng 9 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Về việc báo giá hàng hóa gói thầu: Mua sắm quần áo người bệnh, người nhà người bệnh, váy sản phụ và đồ vải năm 2025 của Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 1

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc Hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định về việc giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang Giai đoạn 2022- 2025;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-TTYT ngày 08/9/2025 của Giám đốc Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 1 về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật và nguồn vốn thực hiện mua sắm gói thầu: Mua sắm quần áo người bệnh, người nhà người bệnh, váy sản phụ và đồ vải năm 2025 của Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 1;

Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 1 có nhu cầu tiếp nhận báo giá phục vụ lập dự toán: Mua sắm quần áo người bệnh, người nhà người bệnh, váy sản phụ và đồ vải năm 2025 của Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 1, Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 1 kính mời các nhà cung cấp quan tâm báo giá hàng hóa theo yêu cầu tại phụ lục kèm theo. Chi tiết đề nghị báo giá như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 1
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Ông Ong Thế Cường.
- Chức vụ: Trưởng Phòng Tổ chức hành chính.
- Điện thoại: 02043.870.278

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc Phòng Tổ chức hành chính thuộc Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 1 - Tổ dân phố 5, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 5 ngày kể từ thời điểm đăng tải chào giá.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **90 ngày** kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Hàng hóa đề nghị báo giá như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng, đặc tính kỹ thuật của hàng hóa	ĐVT	Số lượng
1.	Quần áo bệnh nhân size L	+ Áo: Kẻ sọc xanh nền trắng, kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Có in logo của Trung tâm. + Quần: Cùng màu sắc và họa tiết với áo, kiểu pyjama, quần dây thun. - Chất liệu vải thô hoặc tương đương Thành phần, (40±1) % Rayon; (60±) % Polyester. Khối lượng (g/m ²) 130±2. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 550±2, ngang 320±2. Độ bền kéo đứt sợi (N) dọc 750±5 ngang 470±5.	Bộ	200
2.	Quần áo bệnh nhân size XL	+ Áo: Kẻ sọc xanh nền trắng, kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Có in logo của Trung tâm + Quần: Cùng màu sắc và họa tiết với áo, kiểu pyjama, quần dây thun. - Chất liệu vải thô hoặc tương đương Thành phần, (40±1) % Rayon; (60±) % Polyester. Khối lượng (g/m ²) 130±2. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 550±2, ngang 320±2. Độ bền kéo đứt sợi (N) dọc 750±5 ngang 470±5	Bộ	200
3.	Áo người nhà người bệnh	- Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Có in logo của Trung tâm - Chất liệu vải thô hoặc tương đương màu vàng. Thành phần, (34±1) % (bông); (66±1)	Chiếc	200

		% Polyesster. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 275±2, ngang 270±2. Khối lượng (g/m ²) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C (cấp). Thay đổi màu 4-5, dây màu 4-5. Độ nhỏ tách từ sợi (Ne), dọc, ngang (46±1)/2.		
4.	Quần áo bệnh nhân nhi (size 14)	+ Áo: Kẻ sọc xanh nền trắng, kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Có in logo của Trung tâm + Quần: Cùng màu sắc và họa tiết với áo, kiểu pyjama, quần dây thun. - Chất liệu vải thô hoặc tương đương. Thành phần, (40±1) % Rayon; (60±) % Polyesster. Khối lượng (g/m ²) 130±2. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 550±2, ngang 320±2. Độ bền kéo đứt sợi (N) dọc 750±5 ngang 470±5.	Bộ	50
5.	Quần áo bệnh nhân chạy thận (Áo có ống tay rộng, một bên ống tay có xẻ đường đóng cúc bên tay phải)	+ Áo: Kẻ sọc xanh nền trắng, kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Áo có ống tay rộng, một bên ống tay có xẻ đường đóng cúc bên tay phải. Có in logo của Trung tâm + Quần: Cùng màu sắc và họa tiết với áo, kiểu pyjama, quần dây thun. - Chất liệu vải thô hoặc tương đương Thành phần, (40±1) % Rayon; (60±) % Polyesster. Khối lượng (g/m ²) 130±2. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 550±2, ngang 320±2. Độ bền kéo đứt sợi (N) dọc 750±5 ngang 470±5.	Bộ	15
6.	Quần áo bệnh nhân chạy thận (Áo có ống tay rộng, một bên ống tay có xẻ đường đóng cúc bên tay trái)	+ Áo: Kẻ sọc xanh nền trắng, kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Áo có ống tay rộng, một bên ống tay có xẻ đường đóng cúc bên tay trái. Có in logo của Trung tâm + Quần: Cùng màu sắc và họa tiết với áo, kiểu pyjama, quần dây thun. - Chất liệu vải thô hoặc tương đương Thành phần, (40±1) % Rayon; (60±) % Polyesster. Khối lượng (g/m ²) 130±2. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 550±2, ngang 320±2. Độ bền kéo đứt sợi (N) dọc 750±5 ngang 470±5	Bộ	35
7.	Váy sản phụ	- Kiểu dáng: Váy liền thân, áo cổ tròn, có cúc giữa, tay dài, có dây buộc eo,	Chiếc	50

		chiều dài váy qua gối 15cm, Có in logo của Trung tâm - Chất liệu vải thô hoa nhí hoặc tương đương. Thành phần, (34±1) % (bông); (66±1) % Polyester. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 275±2, ngang 270±2. Khối lượng (g/m ²) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C (cấp). Thay đổi màu 4-5, dây màu 4-5. Độ nhỏ tách từ sợi (Ne), dọc, ngang (46±1)/2.		
8.	Ga bọc chun trải giường bệnh nhân	- Kích thước: Dài 200 x Rộng 90 x Cao 10 cm - Quy cách may: May chun chạy vòng quanh, chun bản rộng, viền đường may rộng 2cm - Có in logo Trung tâm - Chất liệu vải thô xanh hoặc tương đương Thành phần, (34±1) % (bông); (66±1) % Polyester. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 275±2, ngang 270±2. Khối lượng (g/m ²) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C (cấp). Thay đổi màu 4-5, dây màu 4-5. Độ nhỏ tách từ sợi (Ne), dọc, ngang (46±1)/2.	Chiếc	500
9.	Săng 1,5m x 1,5m	- Săng màu xanh KT 1,5m x1,5m may viền 4 xung quanh. - Chất liệu vải kaki màu xanh hoặc tương đương Thành phần, (35±1)% bông; (65±1)% Polyester. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 450±3, ngang 225±3. Khối lượng (g/m ²) 210±2. Độ bền kéo đứt (N) dọc 1445±5, ngang 595±5. Nhuộm phân tán/ Hoàn nguyên	Chiếc	150
10.	Săng 1,5m x 2,5m	- Săng màu xanh KT 1,5m x2,5m may viền 4 xung quanh. - Chất liệu vải kaki màu xanh hoặc tương đương. Thành phần, (35±1)% bông; (65±1)% Polyester. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 450±3, ngang 225±3. Khối lượng (g/m ²) 210±2. Độ bền kéo đứt (N) dọc 1445±5, ngang 595±5. Nhuộm phân tán/ Hoàn nguyên	Chiếc	50
11.	Săng 1m x 1m	- Săng màu xanh KT 1 x 1m may viền 4	Chiếc	50

		xung quanh. - Chất liệu vải kaki màu xanh hoặc tương đương Thành phần, (35±1)% bông; (65±1)% Polyester. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 450±3, ngang 225±3. Khối lượng (g/m ²) 210±2. Độ bền kéo đứt (N) dọc 1445±5, ngang 595±5. Nhuộm phân tán/ Hoàn nguyên		
12.	Săng 60cm x 80cm	- Săng màu xanh KT 60x 80cm may viền 4 xung quanh. - Chất liệu vải kaki màu xanh hoặc tương đương Thành phần, (35±1)% bông; (65±1)% Polyester. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 450±3, ngang 225±3. Khối lượng (g/m ²) 210±2. Độ bền kéo đứt (N) dọc 1445±5, ngang 595±5. Nhuộm phân tán/ Hoàn nguyên.	Chiếc	70
13.	Săng đón bé vải mềm 1m x 1m	- Săng màu trắng KT 1 x 1m may viền 4 xung quanh. - Chất liệu vải phim màu trắng hoặc tương đương Thành phần, 100 % (bông). Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 450±3, ngang 220±3. Khối lượng (g/m ²) 270±2. Chỉ số sợi tách từ vải (Ne) dọc 21±1/1, ngang 10±1/1.	Chiếc	20
14.	Vải thô màu xanh	- Chất liệu vải thô màu xanh hoặc tương đương. Thành phần, (34±1) % (bông); (66±1) % Polyester. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 275±2, ngang 270±2. Khối lượng (g/m ²) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C (cấp). Thay đổi màu 4-5, dây màu 4-5. Độ nhỏ tách từ sợi (Ne), dọc, ngang (46±1)/2.	mét	100

2. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu tại Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 1.

3. Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Việc thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản sau khi hai bên nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và nhà thầu cung cấp đầy đủ hóa đơn và chứng từ tài chính theo quy định.

- Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 90 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

5. Các thông tin khác:

- Tài liệu pháp lý của nhà thầu;
- Tài liệu có liên quan về dịch vụ (nếu có) gồm: Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật của dịch vụ;

Đề nghị các Đơn vị cung cấp dịch vụ quan tâm báo giá./.

Nơi nhận:

- Công TT đơn vị;
- Lưu: VT, TCHC, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Tuấn

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TTYT-TCHC ngày /9/2025 của Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 1)

BÁO GIÁ HÀNG HÓA

Kính gửi: Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 1

Chúng tôi, Công ty (Tên Đơn vị)....., có địa chỉ tại: Số điện thoại

Chúng tôi cam kết là đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa báo giá theo quy định của pháp luật.

Căn cứ danh mục hàng hóa đề nghị báo giá của Quý Cơ quan, Chúng tôi báo giá chi tiết như sau:

STT	Danh mục	Đặc điểm-Thông số kỹ thuật	Model, ký mã hiệu, xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1.	Quần áo bệnh nhân size L	+ Áo: Kẻ sọc xanh nền trắng, kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Có in logo của Trung tâm. + Quần: Cùng màu sắc và họa tiết với áo, kiểu pyjama, quần dây thun. - Chất liệu vải thô hoặc tương đương Thành phần, (40±1) % Rayon; (60±) % Polyesster. Khối lượng (g/m ²) 130±2. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 550±2, ngang 320±2. Độ bền kéo đứt sợi (N) dọc 750±5 ngang 470±5.		Bộ	200		
2.	Quần áo bệnh nhân size XL	+ Áo: Kẻ sọc xanh nền trắng, kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Có in logo của Trung tâm + Quần: Cùng màu sắc và họa tiết với áo, kiểu pyjama, quần dây thun. - Chất liệu vải thô hoặc tương đương		Bộ	200		

		Thành phần, (40±1) % Rayon; (60±) % Polyesster. Khối lượng (g/m2) 130±2. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 550±2, ngang 320±2. Độ bền kéo đứt sợi (N) dọc 750±5 ngang 470±5					
3.	Áo người nhà người bệnh	- Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Có in logo của Trung tâm - Chất liệu vải thô hoặc tương đương màu vàng. Thành phần, (34±1) % (bông); (66±1) % Polyesster. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 275±2, ngang 270±2. Khối lượng (g/m2) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C (cấp). Thay đổi màu 4-5, dây màu 4-5. Độ nhỏ tách từ sợi (Ne), dọc, ngang (46±1)/2.		Chiếc	200		
4.	Quần áo bệnh nhân nhi (size 14)	+ Áo: Kẽ sọc xanh nền trắng, kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Có in logo của Trung tâm + Quần: Cùng màu sắc và họa tiết với áo, kiểu pyjama, quần dây thun. - Chất liệu vải thô hoặc tương đương. Thành phần, (40±1) % Rayon; (60±) % Polyesster. Khối lượng (g/m2) 130±2. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 550±2, ngang 320±2. Độ bền kéo đứt sợi (N) dọc 750±5 ngang 470±5.		Bộ	50		
5.	Quần áo bệnh nhân chạy thận (Áo có ống tay rộng, một bên ống tay có xẻ đường đóng cúc bên tay phải)	+ Áo: Kẽ sọc xanh nền trắng, kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Áo có ống tay rộng, một bên ống tay có xẻ đường đóng cúc bên tay phải. Có in logo của Trung tâm + Quần: Cùng màu sắc và họa tiết với áo, kiểu pyjama, quần dây thun. - Chất liệu vải thô hoặc tương đương Thành phần, (40±1) % Rayon; (60±) % Polyesster. Khối lượng (g/m2) 130±2. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc		Bộ	15		

		550±2, ngang 320±2. Độ bền kéo đứt sợi (N) dọc 750±5 ngang 470±5.					
6.	Quần áo bệnh nhân chạy thận (Áo có ống tay rộng, một bên ống tay có xẻ đường đóng cúc bên tay trái)	+ Áo: Kề sọc xanh nền trắng, kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Áo có ống tay rộng, một bên ống tay có xẻ đường đóng cúc bên tay trái. Có in logo của Trung tâm + Quần: Cùng màu sắc và họa tiết với áo, kiểu pyjama, quần dây thun. - Chất liệu vải thô hoặc tương đương Thành phần, (40±1) % Rayon; (60±) % Polyesster. Khối lượng (g/m ²) 130±2. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 550±2, ngang 320±2. Độ bền kéo đứt sợi (N) dọc 750±5 ngang 470±5		Bộ	35		
7.	Váy sản phụ	- Kiểu dáng: Váy liền thân, áo cổ tròn, có cúc giữa, tay dài, có dây buộc eo, chiều dài váy qua gối 15cm, Có in logo của Trung tâm - Chất liệu vải thô hoa nhí hoặc tương đương. Thành phần, (34±1) % (bông); (66±1) % Polyesster. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 275±2, ngang 270±2. Khối lượng (g/m ²) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C (cấp). Thay đổi màu 4-5, dây màu 4-5. Độ nhỏ tách từ sợi (Ne), dọc, ngang (46±1)/2.		Chiếc	50		
8.	Ga bọc chun trải giường bệnh nhân	- Kích thước: Dài 200 x Rộng 90 x Cao 10 cm - Quy cách may: May chun chạy vòng quanh, chun bản rộng, viền đường may rộng 2cm - Có in logo Trung tâm - Chất liệu vải thô xanh hoặc tương đương Thành phần, (34±1) % (bông); (66±1) % Polyesster. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 275±2, ngang 270±2. Khối lượng (g/m ²) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C (cấp). Thay đổi màu 4-5, dây màu 4-5. Độ nhỏ tách từ sợi (Ne), dọc, ngang (46±1)/2.		Chiếc	500		

9.	Săng 1,5m x 1,5m	- Săng màu xanh KT 1,5m x1,5m may viền 4 xung quanh. - Chất liệu vải kaki màu xanh hoặc tương đương Thành phần, (35±1)% bông; (65±1)% Polyesster. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 450±3, ngang 225±3. Khối lượng (g/m²) 210±2. Độ bền kéo đứt (N) dọc 1445±5, ngang 595±5. Nhuộm phân tán/ Hoàn nguyên		Chiếc	150		
10.	Săng 1,5m x 2,5m	- Săng màu xanh KT 1,5m x2,5m may viền 4 xung quanh. - Chất liệu vải kaki màu xanh hoặc tương đương. Thành phần, (35±1)% bông; (65±1)% Polyesster. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 450±3, ngang 225±3. Khối lượng (g/m²) 210±2. Độ bền kéo đứt (N) dọc 1445±5, ngang 595±5. Nhuộm phân tán/ Hoàn nguyên		Chiếc	50		
11.	Săng 1m x 1m	- Săng màu xanh KT 1 x 1m may viền 4 xung quanh. - Chất liệu vải kaki màu xanh hoặc tương đương Thành phần, (35±1)% bông; (65±1)% Polyesster. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 450±3, ngang 225±3. Khối lượng (g/m²) 210±2. Độ bền kéo đứt (N) dọc 1445±5, ngang 595±5. Nhuộm phân tán/ Hoàn nguyên		Chiếc	50		
12.	Săng 60cm x 80cm	- Săng màu xanh KT 60x 80cm may viền 4 xung quanh. - Chất liệu vải kaki màu xanh hoặc tương đương Thành phần, (35±1)% bông; (65±1)% Polyesster. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 450±3, ngang 225±3. Khối lượng (g/m²) 210±2. Độ bền kéo đứt (N) dọc 1445±5, ngang 595±5. Nhuộm phân tán/ Hoàn nguyên.		Chiếc	70		
13.	Săng đón bé vải mềm 1m x 1m	- Săng màu trắng KT 1 x 1m may viền 4 xung quanh. - Chất liệu vải phim màu trắng hoặc tương đương Thành phần, 100 % (bông). Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 450±3, ngang 220±3. Khối lượng (g/m²) 270±2. Chỉ số sợi tách từ vải (Ne) dọc 21±1/1, ngang 10±1/1.		Chiếc	20		

14.	Vải thô màu xanh	- Chất liệu vải thô màu xanh hoặc tương đương. Thành phần, (34±1) % (bông); (66±1) % Polyesster. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc 275±2, ngang 270±2. Khối lượng (g/m ²) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C (cấp). Thay đổi màu 4-5, dây màu 4-5. Độ nhỏ tách từ sợi (Ne), dọc, ngang (46±1)/2.		mét	100		
		Tổng giá trị thành tiền					
		Bằng chữ					

***Ghi chú :**

1. Đơn giá đã bao gồm thuế VAT, các loại chi phí quản lý, các loại thuế, phí khác và toàn bộ chi phí bàn giao, nghiệm thu, hướng dẫn sử dụng tại địa điểm sử dụng mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào khác.
2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

Chúng tôi cam kết:

3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
4. Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
5. Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

.....ngày tháng năm 2025
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)